

Bản án số: **75/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 18/9/2024  
*V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Phạm Ngọc Thanh**

\* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh L.

2. *Bị đơn*: Anh **Trần Nhật Tr**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện A, tỉnh K.

*(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh Tr vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* ***Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:***

Do quen biết, chị và anh Tr kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2021 ngày 11/10/2021. Về chung sống từ năm 2021 đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn và anh, chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Nhật H, sinh ngày 05/9/2021, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Nhật Tr không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Anh Tr: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh Tr; về con chung: xét thấy từ khi chị T và anh Tr ly thân cho đến nay do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và anh Tr không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu được nuôi con chung, do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị T không có yêu cầu; tài sản, nợ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Nhật Tr có hộ khẩu thường trú ở Ấp N, xã V, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Nhật Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tr là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2021 ngày 11/10/2021. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T nguyên nhân là do anh, chị thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn và anh, chị đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nên chị đề nghị được ly hôn.

Anh Tr không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị T đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của chị T là đơn phương nhưng anh Tr không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, anh Tr không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh Tr không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị T. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân từ năm 2023 đến nay vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Tr không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh Tr có 01 con chung là Trần Nguyễn Nhật H, sinh ngày 05/9/2021, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh Tr ly thân cho đến nay là do chị T nuôi dưỡng con chung. Anh Tr không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Trần Nguyễn Nhật H, sinh ngày 05/9/2021 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có. Anh Tr không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Nhật Tr.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Nguyễn Nhật H, sinh ngày 05/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004941 ngày 06/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Trần Nhật Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kim Ngọc Giàu**



